**Phụ lục**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TƯ PHÁP TỈNH TÂY NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| **STT** | **Tên TTHC** | **Lĩnh vực** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Cấp xã** | | |
| 1 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.  (2.001263.000.00.00.H53) | Nuôi con nuôi | - Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.  *- Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.* |
| 2 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước.  (2.001255.000.00.00.H53) | Nuôi con nuôi | - Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.  *- Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.* |
| 3 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.  (1.003005.000.00.00.H53) | Nuôi con nuôi | Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;   * Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. |

**PHẦN II**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 01:** | **Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.**  (Mã TTHC: 2.001263; trực tuyến một phần) | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện  - Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
| **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian**  **(30 ngày làm việc)** |
| **Bước 1** | **Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã** | | |
| Công chức tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức tư pháp, hộ tịch. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã | 0,5 ngày làm việc |
| **Bước 2** | **Công chức Tư pháp – hộ tịch và Lãnh đạo UBND cấp xã** | | |
| Nghiên cứu hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến của những người có liên quan theo quy định: Khi kiểm tra hồ sơ, công chức tư pháp hộ tịch phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi. | Công chức Tư pháp – hộ tịch | 9,5 ngày làm việc |
| Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức tư pháp hộ tịch phải:  i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;  ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;  iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi; |  |
| Chờ thời gian lấy ý kiến (những người được lấy ý kiến có quyền thay đổi ý kiến trong vòng 15 ngày) | 15 ngày làm việc |
| Trình Lãnh đạo xã Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. | Công chức Tư pháp – hộ tịch | 3.5 ngày làm việc |
| Xem xét ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi | Lãnh đạo UBND xã | 01 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã** | | |
| Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã, công chức Tư pháp hộ tịch UBND cấp xã | 0,5 ngày |
| \* **Sơ đồ quy trình:** | | | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã;  Nhận kết quả trực tiếp. | | | |
|  | a) Thành phần hồ sơ bao gồm:  Hồ sơ của người nhận con nuôi :   * Đơn xin nhận con nuôi trong nước; * Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; * Phiếu lý lịch tư pháp; * Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:   + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.  + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.   * Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi); * Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (tr trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi); * Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi: Đơn *đăng kỷ nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi.*   **Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:**   * Giấy khai sinh; * Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; * Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; * Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; * Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.   Lưu ý:  Trường hợp phải chứng minh nơi cư trú của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.  Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư  Các trường hợp phải chứng minh nơi cư trú của công dân bao gồm:   * Khi người nhận con nuôi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chồ ở, điều kiện kinh tế; * Khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, cần chứng minh nơi người được nhận làm con nuôi thường trú trong trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi;   Khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, cần chứng minh nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi trong trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.  b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:  - Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;  - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.  - Thời gian cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi vàtổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thay đổi ý kiến đồng ý | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Cá nhân | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã  - Đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì UBND cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi;  - Đối với trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú có thẩm quyền Quyết định;  - Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi có thẩm quyền Quyết định.  - Đối với trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng;  b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.  c) Cơ quan phối hợp:  - Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi và của người nhận con nuôi khác nhau, người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của mình).  - Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được nhận làm con nuôi là cha dượng/mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp nơi cư trú của người được nhận làm con nuôi và của người nhận con nuôi khác nhau, người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của mình). | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | ***- Mã tài liệu:*** *KQ.G15.000002*  ***- Tên kết quả:*** *Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước* | | | |
|  |  | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | 400.000 đồng/trường hợp  Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi. | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | * Đơn xin nhận con nuôi trong nước (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); * Biểu mâu điện tử tương tác Đăng kỷ việc nuôi con nuôi trong nước (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dân trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); * Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi; * Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi: Đơn *đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi.* | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện sau:   * Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; * Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; * Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu,dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; * Có tư cách đạo đức tốt.   C ác trường hợp không được nhận con nuôi   * Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; * Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; * Đang chấp hành hình phạt tù; * Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.   Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:  + Là trẻ em dưới 16 tuổi; nếu trẻ em thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi thì đến dưới 18 tuổi;  +) Trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa;  +) Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng. | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | * Luật Nuôi con nuôi 2010; * Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; * Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; * Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; * Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khau, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; * Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; * Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;   Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dân việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mâu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. | | | |
| \***Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu vĩnh viễn tại UBND cấp xã. | | | |
| *Kết quả* | *- Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.*  *- Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã (nhận kết quả trực tiếp).* | | | |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Bà), kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Ông), kích cỡ 4x6 cm

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC**

Kính gửi:...................................................................[[1]](#footnote-1)

1. **Phần khai về người nhận con nuôi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
| Họ, chữ đệm, tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[[2]](#footnote-2) |  |  |
| Nơi cư trú |  |  |
| Điện thoại/Thư điện tử |  |  |

1. **Phần khai về người được nhận làm con nuôi**

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:

Nơi cư trú:

Thuộc đối tượng[[3]](#footnote-3):

🗆 Hiện đang sống tại gia đìnhcủa Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:

Điện thoại/Thư điện tử:

🗆 Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

**3. Cam đoan**

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú[[4]](#footnote-4).

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

*Làm tại* ....................*, ngày*............. *tháng* ........... *năm*...........

**ÔNG BÀ**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON

NUÔI TRONG NƯỚC

1. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)
2. Họ, chữ đệm, tên;
3. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
4. Quốc tịch;
5. Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
6. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
7. Điện thoại/thư điện tử;
8. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)
9. Họ, chữ đệm, tên;
10. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
11. Quốc tịch;
12. Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
13. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
14. Điện thoại/thư điện tử;
15. Thông tin về người được nhận làm con nuôi
16. Họ, chữ đệm, tên;
17. Giới tính;
18. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
19. Quốc tịch;
20. Số định danh cá nhân;
21. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.
* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.
* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

\* Bản điện tử sẽ được tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ/thiết bị số/điện thoại của cha, mẹ nuôi sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nuôi con nuôi.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
| Họ, chữ đệm, tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[[5]](#footnote-5) |  |  |
| Nơi cư trú |  |  |

**II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**1. Tình trạng hôn nhân, gia đình**

Chưa kết hôn Kết hôn Ly hôn Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ Đã có con nuôi Nêu rõ số lượng con: ………

Thành viên khác sống cùng:

**-** Nêu số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi: ……… ……………………………….........................

**-** Nêu rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:

**-** Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

Chưa biết về việc nhận con nuôi

Ủng hộ việc nhận con nuôi Không ủng hộ việc nhận con nuôi

Ý kiến khác:

**III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ**

**1. Nhà ở**

Diện tích:

Nhà thuộc sở hữu Nhà thuê Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

Có

Không

**2. Nghề nghiệp, thu nhập**

**-** Nghề nghiệp(nêu rõ làm nghề gì):

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:.........................................................................................)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:...................................................)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:..........................................................................................)

Các nguồn thu nhập khác..............................(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền…)

**3. Các tài sản khác (nếu có*,* ghi cụ thể):**

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi: Có Không

*Làm tại………..............., ngày........ tháng..........năm..............*

**Người nhận con nuôi**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

**IV. PHẦN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ**

**1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi**[[6]](#footnote-6)**:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………...

………………………………………………………………………………………………………………………………………...

………………………………………………………………………………………………………………………………………...

………………………………………………………………………………………………………………………………………...

*.............., ngày........ tháng..........năm..............*

**Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

**2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi**[[7]](#footnote-7)

...............................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

*.............., ngày........ tháng..........năm..............*

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú**[[8]](#footnote-8)  Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà .................................................... là người đã tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.  *.........................., ngày............tháng..........năm.............*  **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  (Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)  **Họ và tên** | **Người đánh giá**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)* |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHU CẦU NHẬN TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố[[9]](#footnote-9)........................................................................................

**I. Thông tin cơ bản về người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
| Họ, chữ đệm, tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[[10]](#footnote-10) |  |  |
| Nơi cư trú |  |  |
| Điện thoại/Thư điện tử |  |  |

**II. Hoàn cảnh bản thân, gia đình, chỗ ở và điều kiện kinh tế của người đăng ký nhu cầu**

**1. Tình trạng hôn nhân và gia đình**

Chưa kết hôn Kết hôn Ly hôn Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ Đã có con nuôi

Nêu rõ số lượng con: …………….

Độ tuổi của con lớn nhất:…………..Độ tuổi của con nhỏ nhất:……………….

**2. Tiền án, tiền sự**

Không

Có (Ghi rõ đã bị kết án về tội gì………………………………………………………………....)

**3. Tình trạng chỗ ở**

Diện tích: …………………………………………………………………………………………...

Nhà thuộc sở hữu Nhà thuê Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

Có

Không

**4. Nghề nghiệp, thu nhập**

**-** Nghề nghiệp(nêu rõ làm nghề gì):..................................................................................................

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:...........................................................................................)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....................................................)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:............................................................................................)

Các nguồn thu nhập khác...........................................(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền…)

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và việc nhận con nuôi không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi. Nếu được giới thiệu trẻ em cần được nhận làm con nuôi, chúng tôi/tôi sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Đề nghị Sở Tư pháp xem xét, giải quyết./.

*Làm tại.................., ngày .................tháng ........... năm.................*

**ÔNG BÀ**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên) (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

**III. Xác nhận của Sở Tư pháp**

Sở Tư pháp……………………….[[11]](#footnote-11)xác nhận đã tiếp nhận Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi của Ông/Bà……………………………..[[12]](#footnote-12)

*.................., ngày .................tháng ........... năm.................*

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

**(**Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

**Họ và tên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 02:** | **Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước.**  (Mã TTHC: 2.001255; trực tuyến một phần) | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.  - Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
| **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian**  **(05 ngày làm việc)** |
| **Bước 1** | **Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã** | | |
| Công chức tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ, chuyển hồ sơ cho Công chức Tư pháp - hộ tịch.  Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định. Không để cá nhân phải đi lại bổ sung hồ sơ quá 01 lần cho một vụ việc. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | 0,5 ngày làm việc |
| **Bước 2** | **Công chức Tư pháp – hộ tịch và Lãnh đạo UBND cấp xã** | | |
| Nghiên cứu hồ sơ, trình lãnh đạo UBND ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. | Công chức Tư pháp – hộ tịch | 03 ngày làm việc |
| Xem xét ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi | Lãnh đạo UBND cấp xã | 01 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã** | | |
| Trả kết quả | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | 0,5 ngày |
| \* **Sơ đồ quy trình:** | | | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp xã hoặc nộp trực tuyến.  \* Lưu ý: Khi nộp hồ sơ, trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của cha mẹ nuôi và con nuôi, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.  *Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư* | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ**  Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi.(Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn nói trên được kéo dài thêm không quá 05 ngày | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Cá nhân | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây;  b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây; | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | ***- Mã tài liệu:*** *KQ.G15.000002*  ***- Tên kết quả:*** *Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi* | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | *- Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nu* Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);  *- Biểu mẫu điện tử tương tác Đăng kỷ lại việc nuôi con nuôi trong nước (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dân trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).* | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;  Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại. | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | * Luật Nuôi con nuôi 2010; * Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; * Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; * Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khau, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; * Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; * Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;   Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dân việc ghi chép, sử dụng, quản lỷ và lưu trữ sổ, mâu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. | | | |
| \***Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu vĩnh viễn tại UBND cấp xã. | | | |
| *Kết quả* | *- Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.*  *- Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã (nhận kết quả trực tiếp).* | | | |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

#### TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi[[13]](#footnote-13):...............................................................................

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân[[14]](#footnote-14):

Đề nghị đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

**Họ, chữ đệm, tên**: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân2:

Nơi cư trú:

Số định danh cá nhân:

**Là con nuôi của:**

**Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:**

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân 2:

Nơi cư trú:

**Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:**

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân2:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nuôi con nuôi tại[[15]](#footnote-15):

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số...................... ngày ........ tháng ....... năm.........

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đầy đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

*Làm tại* *......................, ngày ............tháng............năm............*

**Người yêu cầu**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

|  |
| --- |
| **Xác nhận của người làm chứng thứ nhất**  Tôi tên là........................................sinh năm ................  Giấy tờ tùy thân(2): ..........................................................  .....................................................................................  Cư trú tại:....................................................................  .....................................................................................  Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.  *Làm tại:.............., ngày.........tháng........ năm.......*  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)* |

**Xác nhận của người làm chứng thứ hai**

Tôi tên là...................................sinh năm ...............

Giấy tờ tùy thân (2):..................................................

.................................................................................

Cư trú tại: ..............................................................

.................................................................................

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

*Làm tại:................, ngày........tháng........ năm........*

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI

CON NUÔI TRONG NƯỚC

I. Thông tin vê người yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi

1. Họ, chữ đệm, tên;
2. Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
3. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

II. Thông tin vê người được đăng ký lại việc nuôi con nuôi

1. Họ, chữ đệm, tên;
2. Giới tính;
3. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng,  
   năm);
4. Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:
5. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
6. Thông tin vê cha nuôi
7. Họ, chữ đệm, tên;
8. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng,  
   năm);
9. Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
10. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).
11. Thông tin vê mẹ nuôi
12. Họ, chữ đệm, tên;
13. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng,  
    năm);
14. Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
15. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

\* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

\* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

\* Bản điện tử sẽ được tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ/thiết bị số/điện thoại của cha, mẹ nuôi sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nuôi con nuôi.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Quy trình 03: | **Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.**  (1.003005; trực tuyến một phần) | | | |
| 1. Trình tự thực hiện: | - Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.  - Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
| Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau: | | | |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian**  **(30 ngày làm việc)** |
| Bước 1 | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | | |
| Công chức tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; chuyển hồ sơ cho công chức Tư pháp - hộ tịch.  Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định. Không để cá nhân phải đi lại bổ sung hồ sơ quá 01 lần cho một vụ việc. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Công chức Tư pháp – hộ tịch và Lãnh đạo UBND cấp xã | | |
| Nghiên cứu hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến của những người có liên quan theo quy định, trình Lãnh đạo UBND cấp xã văn bản xin ý kiến Sở Tư pháp. | Công chức Tư pháp – hộ tịch | 14 ngày làm việc |
| Khi kiểm tra hồ sơ, Công chức Tư pháp - hộ tịch phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức Tư pháp - hộ tịch kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi. |
| Khi lấy ý kiến của những người liên quan, Công chức Tư pháp - hộ tịch phải:  i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;  ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;  iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi; |
| Xem xét ký Văn bản | Lãnh đạo UBND cấp xã | 0.5 ngày làm việc |
| Sở Tư pháp | | |
| Sở Tư pháp có ý kiến | Sở Tư pháp | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBND xã |
| Công chức Tư pháp – hộ tịch và Lãnh đạo UBND cấp xã | | |
| Trình lãnh đạo xã ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi hoặc văn bản từ chối trong trường hợp Sở Tư pháp không đồng ý | Công chức Tư pháp – hộ tịch | 3.5 ngày làm việc |
| Xem xét ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi hoặc văn bản từ chối | Lãnh đạo UBND cấp xã | 01 ngày làm việc |
| Bước 3 | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | | |
| Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch hoặc trả văn bản từ chối | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | 0,5 ngày làm việc |
| \* Sơ đồ quy trình: | | | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp xã.  \*Lưu ý: Khi nộp hồ sơ, trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của trẻ em được nhận làm con nuôi, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.  *Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú của trẻ em được nhận làm con nuôi, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.* | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:**  \* Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi, gồm:  - Giấy khai sinh;  - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;  - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;  Tùy từng trường hợp cụ thể mà phải có các giấy tờ sau:  - Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi;  - Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi;  - Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ để mất năng lực hành vi dân sự;  - Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.  \* Hồ sơ của người nhận con nuôi, gồm:  - Đơn xin nhận con nuôi (theo mẫu quy định);  - Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;  - Phiếu Lý lịch tư pháp;  - Văn bản xác nhận về việc người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nước đó;  - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;  - Giấy khám sức khỏe ;  - Hai ảnh mới nhất, chụp toàn thân, cỡ 9cm x 12cm hoặc 10cm x 15cm.  **b) Số lượng hồ sơ:** 02 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | 30 ngày  - UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan:  15 ngày  - Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày  - Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: 05 ngày | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Cá nhân | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND cấp xã nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú;  b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú;  c) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | *- Mã tài liệu: KQ.G15.000002*  *- Tên kết quả: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi* | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | 4.500.000đồng/trường hợp | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn xin nhận con nuôi trong nước | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | a) Người xin nhận con nuôi có đủ các điều kiện như sau:  - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;  - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;  - Có tư cách đạo đức tốt;  - Đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước láng giềng.  b) Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:  - Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;  - Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng. | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | * Luật Nuôi con nuôi 2010; * Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; * Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; * Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 2 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khau, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; * Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; * Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;   Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dân việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mâu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. | | | |
| **\* Ghi chú** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu vĩnh viễn tại UBND cấp xã. | | | |
| *Kết quả* | *- Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.*  *- Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã (nhận kết quả trực tiếp).* | | | |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Bà), kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Ông), kích cỡ 4x6 cm

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC**

Kính gửi:...................................................................[[16]](#footnote-16)

1. **Phần khai về người nhận con nuôi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
| Họ, chữ đệm, tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[[17]](#footnote-17) |  |  |
| Nơi cư trú |  |  |
| Điện thoại/Thư điện tử |  |  |

1. **Phần khai về người được nhận làm con nuôi**

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:

Nơi cư trú:

Thuộc đối tượng[[18]](#footnote-18):

🗆 Hiện đang sống tại gia đìnhcủa Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:

Điện thoại/Thư điện tử:

🗆 Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

**3. Cam đoan**

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú[[19]](#footnote-19).

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

*Làm tại* ....................*, ngày*............. *tháng* ........... *năm*...........

**ÔNG BÀ**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON

NUÔI TRONG NƯỚC

1. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)
2. Họ, chữ đệm, tên;
3. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
4. Quốc tịch;
5. Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
6. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
7. Điện thoại/thư điện tử;
8. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)
9. Họ, chữ đệm, tên;
10. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
11. Quốc tịch;
12. Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
13. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
14. Điện thoại/thư điện tử;
15. Thông tin về người được nhận làm con nuôi
16. Họ, chữ đệm, tên;
17. Giới tính;
18. Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
19. Quốc tịch;
20. Số định danh cá nhân;
21. Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

\* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

\* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

\* Bản điện tử sẽ được tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ/thiết bị số/điện thoại của cha, mẹ nuôi sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nuôi con nuôi.

1. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột. [↑](#footnote-ref-3)
4. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

   Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác. [↑](#footnote-ref-5)
6. Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì viên chức lãnh sự/ngoại giao thực hiện việc đánh giá [↑](#footnote-ref-7)
8. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận. [↑](#footnote-ref-8)
9. Ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký thường trú. [↑](#footnote-ref-9)
10. Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

    [↑](#footnote-ref-10)
11. Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. [↑](#footnote-ref-11)
12. Sở Tư pháp gửi bản chụp Đơn đã được xác nhận cho người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi.

    [↑](#footnote-ref-12)
13. Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi. [↑](#footnote-ref-13)
14. Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó (ví dụ: chứng minh nhân dân số 00108912345 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014). [↑](#footnote-ref-14)
15. Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước; ghi tên Sở Tư pháp nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. [↑](#footnote-ref-15)
16. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp. [↑](#footnote-ref-16)
17. Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác. [↑](#footnote-ref-17)
18. Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột. [↑](#footnote-ref-18)
19. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

    Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. [↑](#footnote-ref-19)